

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/12/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+RC8+RC3	7:25	11+3+8	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
2		PVD8+P9	7:25	19+1	0+0		15+7	0+0	
3		RP2+P11	7:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
4		RP2+BK8+BK6	9:25	10+5+7	0+0+0		1+10+11	0+0+0	
5		BK5+MRM	9:25	4+16	0+0		4+18	0+0	
6		TD3+P2	9:25	4+18	0+0		2+20	0+0	
7		RP2+RC10+RC3	11:25	15+3+4	0+0+0		11+3+8	0+0+0	
8		RC8+RC5+P2	11:25	0+1+15	0+0+0		4+0+18	0+0+0	chuyen 3 rc8-rc5
9		<del>RP2+PVD8 + P2+P11</del>	13:25	5+14	0+0		0+22	0+0	
10		P5+MRM+PPD	13:25	4+9+7	0+0+0		1+3+18	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
l/Đi về trong ngày RC8-3ng, RC3-4ng,



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: CTC1 - RC8 - RC3	CREW: VTHANG - SON - THU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/5043	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TRUNG HIEU	CTC1	07	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	08	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN LY	CTC1	05	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SY HIEU	CTC1	93	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HOANG SANG	CTC1	98	1	13	2	40	93	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TRONG MANH	CTC1	04	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM BUI DINH LOC	CTC1	06	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG KHOA*	CTC1	03	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN THINH	CTC1	01-02	2	11			64	PSV	Vietnamese
10	BUI SONG TOAN	CTC1	99	1	7			73	DK9	Vietnamese
11	PHAM DUC THANG	CTC1	900	1	6			73	DK9	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HUNG	RC8	95	1	5			58	SGC	Vietnamese
13	NGUYEN DANG NGOC NAM	RC8						84	D-HANH	Vietnamese
14	NGO HUNG HAI	RC8						75	ANTOAN	Vietnamese
15	VU VAN TOAN	RC3	28	1	3	1	5	72	D-HANH	Vietnamese
16	LE DANG MINH DUC	RC3						89	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC MINH	RC3	34	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BINH LONG	RC3	33	1	9			84	KH-THAC	Vietnamese
19	VU LE TRUNG	RC3	35	1	5	2	17	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG TAN	RC3	31-32	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
21	LE MANH HUNG	RC3						72	ANTOAN	Vietnamese
22	NGO KHANH NAM*	RC3	29-30	2	14			83	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	11	829	12	88	2	40	11		
2	RC8	3	217	1	5	0	0	0		
3	RC3	8	605	8	44	3	22	11		
TOTAL		22	1.651	21	137	5	62	22		
WEIGHT KG			1.651		137		62			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

LAI HONG DIEP

CREW

NGO VAN THANG  
PHAM THAI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: vang-1	TO: PVD8 - P9	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/5047	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HUYNH QUOC DUNG	PVD8	89-90	2	16			77	DMC-MI	Vietnamese
2	DO VAN BACH	PVD8	81-82	2	8			63	DMC-MI	Vietnamese
3	LU VAN DUY	PVD8	79-80	2	12			48	DMC-MI	Vietnamese
4	FRANKLIN DELANOR HENSON JR	PVD8	96	1	7	1	20	107	PVD DD	American
5	DJAMIAT	PVD8	85	1	9	3	40	77	PVD DD	Indonesian
6	NGUYEN ĐỨC HAI	PVD8	10	1	4			75	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN THE ANH	PVD8	98	1	4			64	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	95	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HUU THAI	PVD8	99	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN NINH	PVD8	600	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
11	VU HUY HUNG	PVD8	93-94	2	11			73	PVD DD	Vietnamese
12	TRAN VAN MANH	PVD8	84	1	7			65	PVDO	Vietnamese
13	LE VAN PHUONG	PVD8	92	1	4			71	PVDO	Vietnamese
14	ĐOAN VAN TRUONG	PVD8	87	1	5			71	PVDO	Vietnamese
15	PHAM MINH THANG	PVD8	83	1	7			73	PVDO	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHUONG	PVD8	86	1	8			65	PVDO	Vietnamese
17	LE TAN TINH	PVD8	78	1	8			65	PVDO	Vietnamese
18	HOANG VAN MINH	PVD8	91	1	5			67	PVDO	Vietnamese
19	PHAM HONG THANG	PVD8	88	1	7			68	PVDO	Vietnamese
20	HOANG MANH THANG	P9	12-13	2	19	2	36	73	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.346	23	135	4	60	15		
2	P9	1	73	2	19	2	36	7		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.419</b>	<b>25</b>	<b>154</b>	<b>6</b>	<b>96</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.419</b>		<b>154</b>		<b>96</b>			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO:RP2 - P11	CREW: ĐỨC - VANH - DSON	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/5051	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KHALIMOV AIDAR	RP2	46	1	11	2	35	95	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	72	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	RP2	70	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC CHINH	RP2						80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	64	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	65	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	78-79	2	8			88	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN KHUÔNG	RP2	77	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	RP2	80	1	12	1	13	98	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	67	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI KHÁC HOÀNG	RP2	75	1	18	1	7	60	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	69	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2						74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THIỆN PHƯỚC	RP2	73	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	74	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HỮU QUAN	RP2	66	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG NGỌC THÀNH	RP2	71	1	5			97	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ LAM	RP2	63	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ ĐỨC LONG	RP2	47	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	68	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH LINH	P11	37-38	2	10	3	55	59	KHOAN	Vietnamese
22	TRỊNH HOÀNG KHÁNH	P11	36	1	5			84	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	20	1.468	19	145	4	55	19		
2	P11	2	143	3	15	3	55	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.611</b>	<b>22</b>	<b>160</b>	<b>7</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.611</b>		<b>160</b>		<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRẦN VIỆT ANH

TRẦN VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:RP2 - BK8 - BK6	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/5048	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	11	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT NHƯỠNG	RP2	12	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	09	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỒN QUANG DUY	RP2	14-15	2	10			93	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HOANG LONG	RP2	16	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HỢP	RP2	10	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
7	LÀ NGỌC MẠNH	RP2	06-07	2	9			62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU MẠNH	RP2	13	1	5			72	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	HOANG CAO CƯỜNG	RP2	08	1	11			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	PHẠM CÔNG THỎ	RP2	05	1	8			62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	39	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG SY NGỌC	BK8	40	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH SƠN	BK8	36-37	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG TRI	BK8	38	1	8	1	14	92	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI ĐẶC CẢNH	BK8	41	1	5			67	PSV	Vietnamese
16	LÊ NGỌC AN	BK6	08	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HUY TIÊN HAI	BK6	12	1	10	2	26	69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CÔNG THANH	BK6	09	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THỂ	BK6	13-14	2	13	1	15	68	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN PHÚC NGUYỄN	BK6	07	1	14			88	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TOÀN	BK6	11	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI ĐỨC KHANH	BK6	10	1	6			53	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	10	709	12	79	0	0	1		
2	BK8	5	370	6	31	1	14	10		
3	BK6	7	507	8	74	3	41	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.586</b>	<b>26</b>	<b>184</b>	<b>4</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.586</b>		<b>184</b>		<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HƯNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK5 - MRM	CREW: VTHANG - SON - THU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/5044	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	THAI HAI HA	BK5	63-64	2	7	2	38	62	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TRAN VIET	BK5	65-66	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DAI NGHIA	BK5	67	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	62	1	5			57	PSV	Vietnamese
5	SUSTAVOV V.S.	MRM	93	1	9			121	D-HANH	Russian
6	NGUYEN MANH HOAN	MRM	96	1	10			59	KHOAN	Vietnamese
7	KIRICHENKO K.P.	MRM	94	1	7			83	KHOAN	Russian
8	HO MINH TRINH	MRM	97	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HUNG	MRM	95	1	11			66	KHOAN	Vietnamese
10	KOTIKOV ALEXEY	MRM	09-10	2	16			111	AMHTP	Russian
11	BOYCHUK VALERY	MRM	13-14	2	14			67	AMHTP	Russian
12	FILATOV SERGEY	MRM	02	1	16			116	AMHTP	Russian
13	KVARTNIKOV ANTON	MRM	05-06	2	12			111	AMHTP	Russian
14	ZASTAVNYI VASILII	MRM	07-08	2	15			80	AMHTP	Russian
15	ZHELEZNIAC EVGENII	MRM	11-12	2	18			89	AMHTP	Russian
16	KOVALCHUK MIKHAIL	MRM	03-04	2	20			92	AMHTP	Russian
17	ZANIN PAVEL	MRM	15-16	2	15			78	AMHTP	Russian
18	NECHAI VITALII	MRM	17-18	2	10			83	AMHTP	Russian
19	PHAM LE TRUONG SON	MRM	300,01	2	17			74	HALLIBUR	Vietnamese
20	TRAN HUA TUAN	MRM	98	1	7	1	16	63	HALLIBUR	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	4	256	6	28	2	38	4		
2	MRM	16	1.365	25	207	1	16	18		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.621</b>	<b>31</b>	<b>235</b>	<b>3</b>	<b>54</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.621</b>		<b>235</b>		<b>54</b>			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

NGO VAN THANG

PHAM THAI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: TD3 - P2	CREW: ĐỨC - VANH - DSON	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/5052	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	TD3	02	1	5			110	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG VŨ	TD3	04	1	6	5	90	87	DSNO	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT ĐÔNG	TD3	03	1	3			73	DSNO	Vietnamese
4	ĐÀO THỊ MINH NGÀ	TD3	01	1	6			64	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN MAI NAM	P2						82	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN SỸ	P2	92	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TRINH	P2	94	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA THU	P2	93	1	3			52	KH-THAC	Vietnamese
9	DUBOV ALEKSANDR	P2	99	1	6			96	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	81	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ ANH	P2	82	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	88	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG MINH ĐỨC	P2	91	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	P2	84-85	2	10			55	KH-THAC	Vietnamese
15	LUƠNG XUÂN THAI	P2	86	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	87	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
17	TRÁC ĐỨC HUY	P2	90	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH ĐẠT	P2	97	1	10	1	12	60	T-TIN	Vietnamese
19	HUYNH CẨM THIÊN	P2	95-96	2	19	1	18	80	T-TIN	Vietnamese
20	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	400	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	83	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	89	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	4	334	4	20	5	90	2		
2	P2	18	1.248	19	111	2	30	20		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.582</b>	<b>23</b>	<b>131</b>	<b>7</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.582</b>		<b>131</b>		<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC  
TRẦN VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO:RP2 - RC10 - RC3	CREW: LINH - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM25/5045		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	RP2	17-18	2	11			74	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN MAI	RP2	22	1	9			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	TÔ VĂN THĂNG	RP2	35	1	10			75	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THANH	RP2	30-31	2	7			61	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	RP2	26	1	9			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VĂN	RP2	20	1	9			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HUÂN	RP2	18-19	2	11			47	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BA	RP2	21	1	14			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP2	33	1	7			75	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	RP2	27	1	4			76	PSV	Vietnamese
11	VÕ VĂN TUẤN TỬ	RP2	23-24	2	8			70	PSV	Vietnamese
12	LE HOAI NAM	RP2	32	1	5			59	PSV	Vietnamese
13	TRẦN TỬ THIÊN	RP2	25	1	7			100	PSV	Vietnamese
14	PHAN THANH NAM*	RP2	28-29	2	16			72	PSV	Vietnamese
15	PHAM VAN HUNG	RP2	34	1	7			68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT THANH	RC10	26	1	5	1	15	61	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ VĂN VIỆT	RC10	25	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN HAI VIỆT	RC3	41	1	5	1	20	92	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG TUẤN CUƠNG	RC3	43	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ TRƯỜNG CHÍNH	RC3	42	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ANH MINH	RC3	39-40	2	20			77	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	15	1.034	20	134	0	0	10		
2	RC10	3	208	2	13	1	15	3		
3	RC3	4	304	5	39	1	20	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.546</b>	<b>27</b>	<b>186</b>	<b>2</b>	<b>35</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.546</b>		<b>186</b>		<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: TRẮNG -3	TO:RC8 - RC5 - P2	CREW: VIỆT - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/5049	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HÀ QUANG TRUNG	RC5	69	1	13	1	14	52	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ HỮU LINH	P2	70	1	4			91	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN KHAI	P2	73	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN DU	P2	77	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	66	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	64	1	11			53	KH-THAC	Vietnamese
7	K LING	P2	68-69	2	17			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	67	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
9	TẶNG MẠNH HÀ	P2	71-72	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	65	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC DƯ	P2	63	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH HOÀNG	P2	78-79	2	18			83	CODIEN	Vietnamese
13	KIM NHẬT THANH	P2	60-61	2	12	1	9	70	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ VĂN THOÀ	P2	62	1	11	7	140	82	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TRUNG	P2	76	1	11			81	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	74-75	2	16			75	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	0	0	0	0	0	0	4	13	CHUYEN 3 PAX RC8-RC5
2	RC5	1	52	1	13	1	14	0		
3	P2	15	1.101	20	152	8	149	18		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.153</b>	<b>21</b>	<b>165</b>	<b>9</b>	<b>163</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.153</b>		<b>165</b>		<b>163</b>			

GRAND TOAL: 1.481 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 14:30
B.CARD: NAU-4	TO: PVD8 - P7 - P10	CREW: ĐỨC - VANH - DSON	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/5046	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI MẠNH HÙNG	PVD8	81-82	2	12			73	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU CUÔNG	PVD8	79	1	12			66	PVDO	Vietnamese
3	TRƯỜNG QUỐC BÌNH	PVD8	77	1	5			71	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC HIỆU	PVD8	85	1	5			89	PVDO	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TRUNG	PVD8	80	1	5	1	3	61	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÙNG	PVD8	91	1	4			86	PVDO	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG HIỆN	PVD8	84	1	5			65	PVDO	Vietnamese
8	MIKHAYLOV VLADIMIR	PVD8	83	1	3			75	D-HANH	Russian
9	BUI HUY HOANG	PVD8	74-76	3	17			76	PHU THAI	Vietnamese
10	PHAN TRẦN KHAI	PVD8	72-73	2	11			73	PHU THAI	Vietnamese
11	LƯU PHÚC ĐU	PVD8	89-90	2	15			82	PSV	Vietnamese
12	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	PVD8	92	1	4			48	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	PVD8	88	1	11			76	PVDWS	Vietnamese
14	VŨ CÔNG VIÊN	PVD8	86-87	2	10			66	XAYLAP	Vietnamese
15	TRỊNH BA ĐÔNG	P7	20	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
16	MORDIASHOV S.P.	P7	22	1	4	2	40	86	KH-THAC	Russian
17	LÊ QUANG TUẤN	P7	21	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	14	1.007	20	119	1	3	18		
2	P7	3	227	3	14	2	40	0		
3	P10	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.234</b>	<b>23</b>	<b>133</b>	<b>3</b>	<b>43</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.234</b>		<b>133</b>		<b>43</b>			

GRAND TOAL: 1.410 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

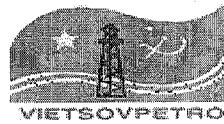
CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC  
TRẦN VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
B.CARD: VANG-4	TO: P5 - MRM - PPD	CREW: VIỆT - NHÚ - ĐÙNG	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/5050	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HỒ NGỌC BÈN	P5	07	1	14	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ TRỌNG NHIÊN	P5	08	1	14	7	79	57	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN TAM	P5	10	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRUNG	P5	09	1	15			80	KH-THAC	Vietnamese
5	HERMAN	MRM	24-25	2	12	1	10	73	HALLIBUR	Indonesian
6	LÀ QUÝ DANH*	MRM	31	1	11			60	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG SƠN*	MRM	30	1	9			72	DVL	Vietnamese
8	SREEKANTH KUTHIRAVATTATH	MRM	32-33	2	17			73	BAKER HUC	Indian
9	NGUYỄN NGỌC HUAN	MRM	28-29	2	19			83	BAKER HUC	Vietnamese
10	ÔNG VĂN NAM	MRM	27	1	12			57	BAKER HUC	Vietnamese
11	SHIRIN GEORGII	MRM	22	1	10	1	13	133	AMHGP	Russian
12	KOROL YURIY	MRM	21	1	12			81	AMHGP	Russian
13	TRẦN HỮU THỌ	MRM	19-20	2	17			92	AMHGP	Vietnamese
14	LÊ NGUYỄN HOANG MINH*	PPD	64-65	2	13			72	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG PHÁT	PPD	55-56	2	10	1	14	89	T-TIN	Vietnamese
16	VŨ TRỌNG TU	PPD	58-59	2	17			60	QUYẾT TH	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THAO	PPD	63	1	6			52	QUYẾT TH	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THÔNG	PPD	62	1	15			58	QUYẾT TH	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN NINH	PPD	66	1	9			67	QUYẾT TH	Vietnamese
20	TRÌNH HỒNG ỨNG	PPD	60-61	2	12			63	QUYẾT TH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	4	274	4	54	8	99	1		
2	MRM	9	724	13	119	2	23	3		
3	PPD	7	461	11	82	1	14	18		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.459</b>	<b>28</b>	<b>255</b>	<b>11</b>	<b>136</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.459</b>		<b>255</b>		<b>136</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
ĐÀO NGỌC PHÚ